

THU HỒI CÁC KHOẢN CHI NSNN NĂM 2025

Đơn vị: Chi cục Kinh tế hợp tác và PTNT

Mã chương: 412; Mã QHNS: 1061931; Mã KBNN: 1161

(Kèm theo Quyết định số: 1227/QĐ-SNNMT ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bắc Ninh)

STT	Nội dung	Mã CT	Mã khoản	Mã nguồn	Số tiền	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7
I	Chi cục KT hợp tác và PTNT				10.611.934,028	
1	Kinh phí quản lý hành chính				646.384,028	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				583.627,028	
*	Kinh phí thu hồi do tính giảm biên chế theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP; Thu hồi tương ứng với số biên chế giao cao hơn so với số được giao năm 2025; biên chế điều chuyển sang các cơ quan, đơn vị sau khi sáp nhập				583.627,028	
-	Lương, PC, các khoản đóng góp theo lương		341	13	443.822,000	
-	Định mức chi hoạt động		341	13	123.495,000	
-	Thực hiện kiến nghị kiểm toán thu hồi nguồn CCTL năm 2024		341	14	16.310,028	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				62.757,000	
*	Kinh phí thu hồi do tính giảm biên chế theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP; Thu hồi tương ứng với số biên chế giao cao hơn so với số được giao năm 2025; biên chế điều chuyển sang các cơ quan, đơn vị sau khi sáp nhập				62.757,000	
-	Thưởng theo NĐ 73/2024/NĐ-CP		341	18	62.757,000	
2	Kinh phí sự nghiệp				7.956.550,000	
*	Chi sự nghiệp kinh tế				7.956.550,000	
-	Kinh phí hỗ trợ khuyến khích phát triển sản phẩm OCOP theo Nghị quyết số 67/2023/NQ-HĐND ngày 13/12/2023 của HĐND tỉnh		281	12	2.580.000,000	
-	Kinh phí hỗ trợ di chuyển theo Nghị quyết số 69/2023/NQ-HĐND ngày 13/12/2023 của HĐND tỉnh		281	12	2.640.000,000	
-	Đề án XD thí điểm sản phẩm OCOP du lịch		281	12	2.116.850,000	
-	Tiền thưởng công nhận làng nghề, làng nghề truyền thống, nghề truyền thống, nghệ nhân, thợ giỏi (CTr MT ngân sách tỉnh)		281	12	257.400,000	

-	Tổng điều tra hộ nghèo (nhận bàn giao nhiệm vụ từ Sở LĐ-TBXH Bắc Ninh sang)		338	12	123.300,000	
-	Điều tra thống kê hộ nghèo		398	12	239.000,000	
3	NSTW thực hiện chương trình MTQG				2.009.000,000	
-	<i>Chương trình MTQG xây dựng NTM</i>	10493	281	12	<i>1.087.000,000</i>	
+	Nội dung thành phần số 3: Chi triển khai chương trình mỗi xã một sản phẩm				1.087.000,000	
-	<i>Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững</i>				<i>922.000,000</i>	
+	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá chương trình	10477	281	12		
	Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện chương trình		281	12	922.000,000	

